

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH THÁI NGUYÊN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 22/2020/QĐ-UBND

Thái Nguyên, ngày 02 tháng 10 năm 2020

QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành Quy định cơ chế cho vay và thu hồi nguồn vốn đầu tư thực hiện
Dự án Năng lượng nông thôn II trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THÁI NGUYÊN

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 26 tháng 5 năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư liên tịch số 32/2013/TTLT-BCT-BTC ngày 04 tháng 12 năm 2013 của Liên Bộ Bộ Công Thương, Bộ Tài chính hướng dẫn giao, nhận và hoàn trả vốn đầu tư tài sản lưới điện hạ áp nông thôn;

Căn cứ Quyết định số 864/QĐ-TTg ngày 10 tháng 4 năm 2004 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt tổng thể Dự án Năng lượng nông thôn II vay vốn WB;

Căn cứ Hiệp định tín dụng phát triển (Dự án Năng lượng nông thôn II) giữa Chính phủ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và Hiệp hội Phát triển quốc tế số 4000-VN ký ngày 17 tháng 6 năm 2005; Hiệp định tài trợ (sửa đổi và viết lại Hiệp định tín dụng phát triển Dự án Năng lượng nông thôn II) giữa đại diện Chính phủ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và Hiệp hội Phát triển quốc tế số 4576-VN ký kết ngày 09 tháng 7 năm 2009;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài chính tại Tờ trình số 3688/TTr-STC ngày 16 tháng 9 năm 2020.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định cơ chế cho vay và thu hồi nguồn vốn đầu tư thực hiện Dự án Năng lượng nông thôn II trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 10 năm 2020 và thay thế Quyết định số 53/2014/QĐ-UBND ngày 04 tháng 12 năm 2014 của Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành quy định cơ chế cho vay và thu hồi vốn đầu tư thực hiện Dự án Năng lượng nông thôn II trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên và Quyết định số 41/2015/QĐ-UBND ngày 14 tháng 12 năm 2015 của Ủy ban nhân dân tỉnh sửa đổi Quyết định số 53/2014/QĐ-UBND ngày 04 tháng 12 năm 2014 quy định ban hành quy định cơ chế cho vay và thu hồi vốn đầu tư thực hiện Dự án Năng lượng nông thôn II trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc các Sở: Tài chính, Công Thương, Kế hoạch và Đầu tư; Chủ tịch Liên minh Hợp tác xã tỉnh, Giám đốc Chi nhánh Ngân hàng Phát triển khu vực Bắc Kạn - Thái Nguyên; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố, thị xã; Thủ trưởng các đơn vị: Công ty Điện lực Thái Nguyên, các đơn vị kinh doanh điện nông thôn và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Lê Quang Tiến

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH THÁI NGUYÊN**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

QUY ĐỊNH

Cơ chế cho vay và thu hồi nguồn vốn đầu tư thực hiện Dự án Năng lượng nông thôn II trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên

(Ban hành kèm theo Quyết định số 22/2020/QĐ-UBND ngày 02 tháng 10 năm 2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh)

Chương I

NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi và đối tượng áp dụng

1. Đối tượng áp dụng: Công ty Điện lực Thái nguyên và các Hợp tác xã dịch vụ điện tham gia Dự án Năng lượng nông thôn II (REII) trên địa bàn tỉnh.

2. Phạm vi điều chỉnh: Quy định cơ chế cho vay và thu hồi nguồn vốn đầu tư thực hiện Dự án Năng lượng nông thôn II trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên.

a) Bên cho vay vốn là Ủy ban nhân dân (UBND) tỉnh ủy quyền cho Sở Tài chính.

b) Bên vay vốn là các đơn vị, tổ chức phân phối kinh doanh điện nhận bàn giao tài sản lưới điện hạ áp sau đầu tư từ Ban Quản lý Dự án Năng lượng nông thôn II tỉnh Thái Nguyên bao gồm: Công ty Điện lực Thái Nguyên, các Hợp tác xã dịch vụ điện nông thôn trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên.

c) Các tổ chức, cá nhân liên quan đến thực hiện cơ chế cho vay và thu hồi nguồn vốn đầu tư thực hiện Dự án Năng lượng nông thôn II trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên.

Điều 2. Nguyên tắc cho vay và thu hồi vốn

1. UBND tỉnh Thái Nguyên cho Công ty Điện lực Thái Nguyên, các tổ chức Hợp tác xã dịch vụ kinh doanh điện nông thôn (Hợp tác xã dịch vụ điện) vay vốn là toàn bộ giá trị đầu tư công trình lưới điện hạ thế nông thôn được xây dựng hoàn thành từ Dự án Năng lượng nông thôn II, quản lý, khai thác, vận hành và kinh doanh.

2. Phần vốn vay từ Ngân hàng Thế giới được tính lãi suất cho vay và lãi suất quá hạn được tính đúng bằng lãi suất vay vốn của UBND tỉnh với Chi nhánh Ngân hàng Phát triển khu vực Bắc Kạn - Thái Nguyên; Phần vốn ngân sách nhà nước đối ứng không tính lãi suất.

3. Công ty Điện lực Thái Nguyên, các Hợp tác xã dịch vụ kinh doanh điện nông thôn có trách nhiệm hoàn trả toàn bộ nợ gốc và lãi vay đúng thời hạn quy định (theo Hợp đồng vay).

Điều 3. Hình thức văn bản cho vay

Hình thức văn bản cho vay áp dụng hình thức Hợp đồng kinh tế giữa các bên.

Điều 4. Giá trị cho vay

Giá trị cho vay là tổng giá trị quyết toán vốn đầu tư công trình hoàn thành bàn giao đưa vào sử dụng được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt (bao gồm cả nguồn vốn vay Ngân hàng Thế giới và vốn đối ứng của ngân sách tỉnh). Giá trị cho vay được tính bằng đồng Việt Nam.

Điều 5. Cơ quan đại diện cho vay

UBND tỉnh Thái Nguyên ủy quyền cho Sở Tài chính Thái Nguyên thực hiện ký kết Hợp đồng kinh tế với Công ty Điện lực Thái Nguyên, các Hợp tác xã dịch vụ kinh doanh điện nông thôn trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên, các đơn vị kinh doanh khác (nếu có).

Chương II

QUY ĐỊNH CỤ THỂ

Điều 6. Các bên ký kết hợp đồng kinh tế

1. Bên cho vay (Bên A): Sở Tài chính Thái Nguyên (đại diện được ủy quyền) ký kết Hợp đồng kinh tế (cho vay lại) với Công ty Điện lực Thái Nguyên, các Hợp tác xã dịch vụ kinh doanh điện nông thôn trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên.

2. Bên vay lại (Bên B): Công ty Điện lực Thái Nguyên, các Hợp tác xã dịch vụ kinh doanh điện nông thôn trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên.

Điều 7. Các quy định về thời gian cho vay, lãi suất cho vay, kỳ trả nợ và tài khoản thu nợ

1. Thời gian cho vay: 20 năm, bắt đầu tính từ khi thực hiện đầu tư xây dựng và giải ngân vốn (2009).

2. Lãi suất cho vay và lãi suất quá hạn:

a) Lãi suất cho vay: Tính trên số dư nợ gốc đầu kỳ trả nợ (Lãi suất tính theo năm: 1%/năm).

b) Lãi suất quá hạn: tính trên số nợ quá hạn (nợ gốc, tiền lãi) được tính từ ngày đến hạn không trả cho đến ngày trả được nợ.

c) Lãi suất quá hạn theo năm: 1,5%/năm.

d) Lãi suất quá hạn theo ngày: 1,5%/360 ngày.

3. Kỳ trả nợ gốc và lãi vay:

a) Kỳ trả nợ gốc: Được chia 15 kỳ, một kỳ 12 tháng. Mức trả gốc mỗi năm bằng số nợ vay chia cho số năm phải trả (15 năm).

b) Kỳ trả lãi vay: Như phân kỳ trả nợ gốc, số tiền lãi được tính trên số dư nợ gốc đến thời điểm trả nợ nhân với lãi suất cho vay; lãi suất cho vay trong thời gian ân hạn được tính từng kỳ và nhập vào nợ gốc tiền vay.

c) Trả lãi quá hạn: Tiền lãi quá hạn bằng số dư nợ gốc quá hạn nhân với số ngày quá hạn nhân với lãi suất quá hạn theo ngày.

d) Thời điểm trả nợ: Nợ gốc và lãi vay từng thời kỳ được phân bổ vào chi phí hàng tháng và được thanh toán trả nợ làm 4 lần trong năm vào ngày 05 tháng thứ hai của mỗi quý; riêng Quý IV trả vào ngày 05/10 (cụ thể là ngày 05/02, 05/5, 05/8 và ngày 05/10 hằng năm). Công ty Điện lực Thái Nguyên, các hợp tác xã dịch vụ kinh doanh điện nông thôn trên địa bàn hoàn trả toàn bộ nợ gốc và lãi vay theo đúng thời hạn quy định và Hợp đồng đã ký. Khuyến khích Công ty Điện lực Thái Nguyên, các Hợp tác xã dịch vụ kinh doanh điện nông thôn trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên trả nợ trước hạn.

đ) Phương thức thanh toán: Bằng chuyển khoản hoặc nộp bằng tiền mặt vào tài khoản tiền gửi Sở Tài chính mở tại Chi nhánh Ngân hàng thương mại tại Thái Nguyên.

4. Tài khoản thu nợ:

Mở tài khoản tiền gửi ngân sách tỉnh riêng do Sở Tài chính làm chủ tài khoản tại Ngân hàng thương mại cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam chi nhánh Thái Nguyên (BIDV) để thu nợ gốc và lãi vay. Số tài khoản này sẽ được ghi trong phụ lục Hợp đồng kinh tế Sở Tài chính ký kết với Công ty Điện lực Thái Nguyên, các hợp tác xã dịch vụ kinh doanh điện nông thôn trên địa bàn tỉnh.

Điều 8. Quyền và nghĩa vụ của Bên A (Sở Tài chính)

1. Quyền của Sở Tài chính (Bên A - Bên cho vay):

- a) Được áp dụng các chế tài hành chính để thu hồi nợ gốc và lãi vay.
- b) Kiểm tra, yêu cầu Bên B (Bên vay lại) cung cấp toàn bộ sổ sách báo cáo kinh doanh nếu có nghi vấn.
- c) Châm dứt Hợp đồng cho vay khi Bên B không trả nợ gốc và lãi vay theo quy định, tham mưu UBND tỉnh quyết định lựa chọn đơn vị tiếp nhận mới thay thế.
- d) Đơn đốc, giám sát việc kinh doanh và thực hiện nghĩa vụ trả nợ của Bên B.

2. Nghĩa vụ của Bên A:

- a) Cung cấp các tài liệu liên quan đến lưới điện hạ thế hình thành từ dự án cho Bên B.
- b) Bồi thường thiệt hại cho Bên B khi không thực hiện hoặc thực hiện không đúng Hợp đồng.

Điều 9. Quyền và nghĩa vụ của Bên B (Bên vay lại)

1. Quyền của Bên B:

- a) Tiếp nhận công trình xây dựng hoàn thành thuộc Dự án.
- b) Thực hiện việc quản lý, khai thác, vận hành, kinh doanh lưới điện hạ thế nông thôn hình thành từ dự án theo đúng các quy định hiện hành.

c) Trả nợ trước hạn hoặc trả cao hơn mức tối thiểu như quy định tại Khoản 3, Điều 2 của Quy định này. Khuyến khích các đơn vị có điều kiện huy động vốn trả 100% số nợ.

d) Khi trả nợ đủ 100% số vốn tiếp nhận vay theo Hợp đồng thì toàn bộ tài sản lưới điện hình thành từ nguồn vốn đó thuộc quyền tự chủ quản lý, kinh doanh của Bên vay lại.

2. Nghĩa vụ của Bên B:

a) Trả nợ gốc và lãi vay theo đúng kỳ hạn quy định như trong hợp đồng đã ký.

b) Thực hiện việc lập và đăng ký phương án kinh doanh điện, phương án trả nợ vốn vay gửi Sở Tài chính, Sở Công Thương, Liên minh Hợp tác xã tỉnh để thẩm tra, xét duyệt.

c) Bảo vệ an toàn, nguyên trạng toàn bộ tài sản lưới điện hạ thế của Dự án khi kinh doanh và kể cả khi bàn giao cho đơn vị kinh doanh điện khác tiếp nhận.

d) Chịu sự kiểm tra, giám sát, đôn đốc của Sở Tài chính, Sở Công Thương, Liên minh Hợp tác xã tỉnh trong việc thực hiện các nghĩa vụ đã quy định trong Hợp đồng.

đ) Định kỳ hằng quý báo cáo và sao gửi các chứng từ thanh toán nợ gốc và lãi vay về Sở Tài chính để theo dõi và đôn đốc thu hồi nợ.

e) Sau khi hoàn thành nghĩa vụ trả nợ vốn vay, các đơn vị kinh doanh điện nông thôn có trách nhiệm tiếp tục đảm bảo cung cấp điện ổn định cho nhân dân và các đơn vị sản xuất kinh doanh dịch vụ trên địa bàn.

g) Lập báo cáo tài chính theo quy định của Bộ Tài chính và xây dựng phương án trả nợ vay gửi Sở Tài chính và Sở Công Thương để theo dõi.

h) Báo cáo UBND xã, UBND các huyện, thành phố, thị xã và Sở Tài chính, Sở Công Thương, Liên minh Hợp tác xã tỉnh để xem xét trình UBND tỉnh quyết định việc bàn giao công trình lưới điện hạ thế cho Công ty Điện lực hoặc đơn vị khác (nếu có) khi không đủ khả năng quản lý, vận hành, kinh doanh và trả nợ.

i) Đối với đơn vị mới được tiếp nhận bàn giao của đơn vị cũ (Hợp tác xã điện cũ) có trách nhiệm tiếp tục thực hiện các điều khoản của hợp đồng đã ký hoặc ký hợp đồng kinh tế mới để thực hiện việc trả nợ. Thực hiện các nghĩa vụ và được hưởng quyền lợi đã nêu ở trên.

Điều 10. Cơ chế xử lý vi phạm

1. Thu hồi công trình thuộc dự án đã bàn giao đối với các đơn vị kinh doanh dịch vụ điện không hoàn trả đủ nợ gốc và lãi vay trong 02 kỳ liên tiếp (tức 24 tháng).

2. Trong thời hạn 20 ngày kể từ ngày có quyết định thu hồi công trình điện, các đơn vị dịch vụ kinh doanh điện nông thôn phải có trách nhiệm thanh toán đầy đủ số nợ cũ (gốc và lãi) chưa trả, nếu không thực hiện trả đầy đủ theo quy định phải chịu trách nhiệm trước pháp luật.

3. Sở Tài chính chủ trì, phối hợp với các đơn vị liên quan xác định giá trị tài sản bàn giao trình UBND tỉnh quyết định bàn giao công trình từ các hợp tác xã dịch vụ điện bị thu hồi theo quy định tại Khoản 3 Điều 6 Thông tư liên tịch số 32/2013/TTLT-BCT-BTC ngày 04/12/2013 của Liên Bộ Bộ Công Thương, Bộ Tài chính hướng dẫn giao, nhận và hoàn trả vốn đầu tư tài sản lưới điện hạ áp nông thôn.

4. Trường hợp các Hợp tác xã dịch vụ điện bị thu hồi tài sản không thanh toán đủ số nợ theo quy định, Sở Tài chính có trách nhiệm phối hợp với Sở Công Thương và các đơn vị liên quan báo cáo UBND tỉnh để xử lý theo từng trường hợp cụ thể.

Chương III

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 11. Xử lý chuyên tiếp

Giao Sở Tài chính ký Phụ lục Hợp đồng với Công ty Điện lực Thái Nguyên và các Hợp tác xã kinh doanh điện nông thôn để thu hồi vốn đối ứng của ngân sách tỉnh đã đầu tư tài sản lưới điện hạ áp nông thôn được hình thành từ Dự án Năng lượng nông thôn II (REII) theo quy định.

Điều 12. Trách nhiệm của các ngành, các cấp, đơn vị liên quan**1. Sở Tài chính:**

a) Thực hiện triển khai ký kết Hợp đồng kinh tế với Công ty Điện lực Thái Nguyên và các hợp tác xã dịch vụ kinh doanh điện nông thôn trên địa bàn để thu hồi nợ, thanh lý hợp đồng kinh tế với các đơn vị hợp tác xã dịch vụ kinh doanh điện nông thôn trên địa bàn theo quy định.

b) Theo dõi, đôn đốc các đơn vị kinh doanh dịch vụ điện trả nợ gốc và lãi vay theo đúng quy định về thời gian và mức trả nợ định kỳ.

c) Quản lý, theo dõi tài khoản tiền gửi để thu nợ và trả nợ Ngân hàng Phát triển khu vực Bắc Kạn - Thái Nguyên.

d) Phối hợp với Sở Công Thương theo dõi, đôn đốc, giám sát, kiểm tra các đơn vị dịch vụ kinh doanh điện nông thôn trả nợ gốc và lãi vay theo đúng quy định về thời gian trả nợ định kỳ. Báo cáo UBND tỉnh các nội dung liên quan đến công tác thu hồi và trả nợ thuộc phạm vi dự án.

đ) Chủ trì thẩm tra, xét duyệt phương án kinh doanh điện của các hợp tác xã dịch vụ điện đảm bảo việc thu hồi vốn đầu tư của dự án và giá bán điện theo đúng quy định.

e) Chủ trì, phối hợp với Sở Công Thương và các đơn vị liên quan thực hiện kiểm tra việc quản lý, sử dụng nguồn vốn đầu tư cho dự án (Vốn vay và vốn đối ứng) của Công ty Điện lực Thái Nguyên và các hợp tác xã dịch vụ kinh doanh điện nông thôn trên địa bàn tỉnh.

g) Có trách nhiệm đề xuất với UBND tỉnh nguồn kinh phí trả nợ hằng năm cho Chi nhánh Ngân hàng phát triển khu vực Bắc Kạn - Thái Nguyên theo Hợp đồng tín dụng đã ký kết.

h) Chủ trì, phối hợp với Sở Công Thương và các đơn vị liên quan trình UBND tỉnh thu hồi tài sản của đơn vị kinh doanh điện không đủ khả năng thu hồi vốn trả nợ gốc và lãi vay để giao cho đơn vị khác quản lý. Tham mưu UBND tỉnh thành lập Hội đồng xác định giá trị tài sản bàn giao công trình từ các hợp tác xã

dịch vụ kinh doanh điện nông thôn bị thu hồi theo quy định. Báo cáo UBND tỉnh các nội dung liên quan đến công tác thu hồi và trả nợ thuộc phạm vi dự án.

i) Chủ trì, phối hợp với các đơn vị liên quan tập hợp hồ sơ tài liệu của dự án, phương án bàn giao công trình điện đối với các Hợp tác xã dịch vụ kinh doanh điện nông thôn không đủ khả năng tổ chức kinh doanh và thực hiện nghĩa vụ thu hồi vốn trả nợ gốc và lãi vay.

2. Sở Công Thương:

a) Chủ trì, phối hợp với Sở Tài chính và các đơn vị liên quan theo dõi, đôn đốc, giám sát, kiểm tra các đơn vị kinh doanh dịch vụ điện trả nợ gốc và lãi vay theo đúng quy định về thời gian trả nợ định kỳ.

b) Kiểm tra định kỳ, đột xuất những đơn vị kinh doanh dịch vụ điện có phát sinh trong năm để có phương án thu hồi nợ.

c) Phối hợp với Sở Tài chính thẩm tra, xét duyệt phương án kinh doanh điện của các hợp tác xã dịch vụ kinh doanh điện nông thôn trên địa bàn đảm bảo việc thu hồi vốn đầu tư của dự án và giá bán điện theo đúng quy định.

d) Phối hợp với Sở Tài chính thực hiện kiểm tra việc quản lý, sử dụng nguồn vốn đầu tư cho dự án (Vốn vay và vốn đối ứng) của Công ty Điện lực Thái Nguyên và các hợp tác xã dịch vụ kinh doanh điện nông thôn trên địa bàn tỉnh.

đ) Tổng hợp các vướng mắc phát sinh trong quá trình thực hiện cơ chế vay và xử lý vi phạm, đề xuất trình UBND tỉnh xem xét điều chỉnh cho phù hợp.

e) Phối hợp với Sở Tài chính và các đơn vị liên quan trình UBND tỉnh thu hồi tài sản của đơn vị dịch vụ kinh doanh điện nông thôn không đủ khả năng thu hồi vốn trả nợ gốc và lãi vay để giao cho đơn vị khác quản lý.

g) Bàn giao hồ sơ tài sản lưới điện cho Công ty Điện lực Thái Nguyên và các Hợp tác xã dịch vụ kinh doanh điện nông thôn được UBND tỉnh cho vay lại vốn theo quy định.

h) Phối hợp với các đơn vị liên quan tập hợp hồ sơ tài liệu của dự án, phương án bàn giao công trình điện đối với các Hợp tác xã dịch vụ kinh doanh điện

nông thôn không đủ khả năng tổ chức kinh doanh và thực hiện nghĩa vụ thu hồi vốn trả nợ gốc và lãi vay.

3. Liên minh Hợp tác xã tỉnh Thái Nguyên:

a) Hướng dẫn các Hợp tác xã dịch vụ điện xây dựng và thực hiện phương án sản xuất kinh doanh, phương án trả nợ vốn vay. Đôn đốc, các Hợp tác xã dịch vụ kinh doanh điện nông thôn trả nợ gốc và lãi vay theo đúng quy định về thời gian và mức trả nợ định kỳ.

b) Tổng hợp các vướng mắc phát sinh trong quá trình thực hiện, phản ánh về Sở Tài chính, Sở Công Thương để báo cáo UBND tỉnh sửa đổi, bổ sung cơ chế cho phù hợp.

c) Thường xuyên hướng dẫn các hợp tác xã dịch vụ điện thực hiện nghiêm chỉnh các quy định của Luật Hợp tác xã, công tác tổ chức, triển khai phương án sản xuất kinh doanh theo quy định pháp luật.

d) Kiểm tra định kỳ, đột xuất những đơn vị dịch vụ kinh doanh điện nông thôn trên địa bàn có phát sinh trong năm để có phương án thu hồi nợ.

đ) Phối hợp với Sở Tài chính và các đơn vị liên quan thẩm tra, xét duyệt phương án kinh doanh điện của các hợp tác xã dịch vụ kinh doanh điện nông thôn đảm bảo việc thu hồi vốn đầu tư của dự án và giá bán điện theo đúng quy định.

e) Phối hợp với Sở Tài chính và các đơn vị liên quan thực hiện kiểm tra việc quản lý, sử dụng nguồn vốn đầu tư cho dự án (Vốn vay và vốn đối ứng) của Công ty Điện lực Thái Nguyên và các hợp tác xã dịch vụ kinh doanh điện nông thôn trên địa bàn tỉnh.

4. UBND các huyện, thành phố, thị xã:

a) Kiểm tra, đôn đốc, giám sát UBND các xã, các Hợp tác xã dịch vụ kinh doanh điện nông thôn tham gia dự án trên địa bàn trong việc quản lý, kinh doanh điện nông thôn và thực hiện nghĩa vụ trả nợ vốn vay.

b) Chỉ đạo các UBND xã có Hợp tác xã dịch vụ kinh doanh điện nông thôn không có khả năng kinh doanh và trả nợ lãi vay làm các thủ tục hồ sơ báo cáo Sở Tài chính để báo cáo cơ quan cấp có thẩm quyền bàn giao theo quy định.

5. Chi nhánh Ngân hàng phát triển khu vực Bắc Kạn - Thái Nguyên:

a) Trước ngày 25/9 hằng năm gửi thông báo đến Sở Tài chính và Sở Công Thương số nợ gốc và lãi phải trả phần vốn vay Ngân hàng Thế giới.

b) Trước ngày 01/11 hằng năm gửi thông báo đến Sở Tài chính số chuyển nợ quá hạn chưa thực hiện trả nợ đúng hạn.

6. UBND các xã tham gia Dự án:

a) Kiểm tra, giám sát các Hợp tác xã dịch vụ kinh doanh điện nông thôn trên địa bàn trong việc quản lý, vận hành, kinh doanh điện nông thôn theo đúng quy định hiện hành.

b) Đôn đốc các Hợp tác xã dịch vụ kinh doanh điện nông thôn trên địa bàn thực hiện trả nợ gốc và lãi vay của dự án đúng kỳ hạn.

c) Báo cáo kịp thời những khó khăn vướng mắc và kiến nghị xử lý vi phạm đối với các hợp tác xã dịch vụ điện không hoàn thành nghĩa vụ trả nợ theo hợp đồng đã ký kết.

7. Các đơn vị kinh doanh dịch vụ điện (Công ty Điện lực Thái Nguyên và các Hợp tác xã dịch vụ điện):

a) Tiếp nhận công trình lưới điện hạ thế hình thành từ Dự án REII theo quyết định bàn giao của UBND tỉnh và thực hiện nghĩa vụ theo đúng quy định hiện hành của nhà nước.

b) Có trách nhiệm hoàn trả vốn đầu tư, tiền lãi đối với các công trình đã được giao quản lý.

8. Công ty Điện lực Thái Nguyên:

a) Có trách nhiệm tiếp nhận công trình lưới điện hạ thế hình thành từ Dự án Năng lượng nông thôn II khi có quyết định bàn giao của UBND tỉnh và thực hiện nghĩa vụ theo đúng quy định hiện hành của nhà nước.

b) Phối hợp với các Sở, ngành liên quan, UBND các huyện, thành phố, thị xã để hoàn thiện các thủ tục bàn giao, tiếp nhận, hoàn trả vốn vay.

Điều 13. Tổ chức thực hiện

1. Giao Sở Tài chính chủ trì, phối hợp với Sở Công Thương và các đơn vị liên quan hướng dẫn, tổ chức thực hiện, đảm bảo việc thu hồi vốn đã đầu tư Dự án cho Ngân hàng Thế giới và Ngân sách tỉnh.

2. Trong quá trình tổ chức thực hiện quy định này, nếu có khó khăn, vướng mắc, giao cho Sở Tài chính chủ trì, phối hợp Sở Công Thương và các đơn vị liên quan nghiên cứu đề xuất trình UBND tỉnh xem xét sửa đổi, bổ sung cơ chế cho phù hợp./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Lê Quang Tiến